

越南国家银行

编号：14/2021/TT-NHNN

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

河内，2021年09月07日

通知

修改、补充越南国家银行行长于2020年3月13日颁布的关于信贷组织，外国银行分行重组债务偿还期限，免减利息、费用及保留债务类别以协助受 Covid-19 疫情影响的客户的规定的第 01/2020/TT-NHNN 号通知若干条例

根据2010年6月16日越南国家银行法；

根据2010年6月16日各信贷组织法；2017年11月20日各信贷组织法之若干条例修改、补充法；

根据政府2017年02月17日规定有关越南国家银行职能、任务、权限及组织架构之第16/2017/NĐ-CP号议定；

与财政部达成共识后；

根据银行总督察、监察人之建议；

越南国家银行行长颁行修改、补充越南国家银行行长于2020年3月13日颁布的关于信贷组织，外国银行分行重组债务偿还期限，免减利息、费用及保留债务类别以协助受 Covid-19 疫情影响的客户的规定的第 01/2020/TT-NHNN 号通知（以下称为第 01/2020/TT-NHNN 号通知）若干条例之通知。

第一条、修改、补充第 01/2020/TT-NHNN 号通知之若干条

一、修改、补充第4条如下

“第4条、重组债务偿还期限

信贷组织、外国银行分行当完全满足下列条件时，重组债务本金余额及/或债务利息之还款期限（包括属于政府2015年6月9日关于供农业、农村发展的信贷政策的第55/2015/NĐ-CP号议定（已获修改、补充）适用范围之各项债务）：

- 1、于2021年8月1日以前的，从贷款及融资租赁活动上的。
- 2、自2020年1月23日至2022年6月30日期间偿还本金及/或利息之义务。
- 3、债务的本金余额，当属于以下各场合之一时，可重组还款期限：



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

- a) 自到期付款之日起，债务本金余额期内或逾期 10（十）天，按照合约书或协议书所载期限偿还债务，本款 b、c 及 d 点规定之场合除外；
 - b) 债务的本金余额在 2020 年 1 月 23 日之前的，且自 2020 年 1 月 23 日至 2020 年 3 月 29 日期间逾期的；
 - c) 债务的本金余额自 2020 年 1 月 23 日至 2020 年 6 月 10 日之前的，且在 2021 年 5 月 17 日前逾期的；
 - d) 债务的本金余额自 2020 年 6 月 10 日至 2021 年 8 月 1 日之前的，且自 2021 年 7 月 17 日至 2021 年 9 月 7 日前逾期的。
- 4、被信贷组织或外国银行分行评估为客户因受 Covid-19 疫情影响，导致营业额、收入减少而没有依照合约书或协议书按时偿还本金及/或利息之能力。
 - 5、客户申请重组还款期限，并且信贷组织、外国银行分行评估客户为具有根据重组后的还款期限全额偿还本金及/或利息的能力。
 - 6、信贷组织、外国银行分行对于违反法律规定的债务，不予重组偿还期限。
 - 7、债务重组（包括债务延期）的时间以 Covid-19 疫情对客户的影响程度为宜，自信贷组织、外国银行分行重组还款期限之日起或自获重组还款期限以后的每一笔债务余额到期之日起不超出 12 个月。
 - 8、为客户重组还款期限将执行至 2022 年 6 月 30 日止。”

二、修改、补充第 5 条如下：

“第 5 条、免减利息、费用

1、信贷组织、外国银行分行对于在 2021 年 8 月 1 日前从授信活动（购买、投资企业债券的活动除外），偿还本金及/或利息的义务在 2020 年 1 月 23 日至 2022 年 6 月 30 日期间到期还款的，然而客户因受 Covid-19 疫情影响导致营业额、收入减少而没有依照合约书、协议书按时偿还本金及/或利息的能力的债务余额，根据内部规定予以决定免减利息、费用。

2、按照本通知规定对客户实行免减利息、费用的工作执行至 2022 年 6 月 30 日。”

三、修改、补充第 01/2020/TT-NHNN 号通知第 6 条 2 款（已获越南国家银行行长修改、补充第 01/2020/TT-NHNN 号通知若干条例的于 2021 年 4 月 2 日颁布的第 03/2021/TT-NHNN 号通知第 1 条第 4 款修改、补充）如下：



“2、信贷组织、外国银行分行对于自 2020 年 1 月 23 日至 2021 年 8 月 1 日前的债务，可根据越南国家银行关于信贷组织、外国银行分行于经营中对于获依本通知第 4 条及第 5 条重组偿还期限、免减利息的债务余额进行债务分类的规定，保留已分类之债务类别如下：

a) 对于本通知第 4 条 3 款 a 点规定之债务余额，在首次重组还款期限日之前，保留于最近时间已分类之债务类别；

b) 对于本通知第 4 条 3 款 c 点、d 点规定之债务余额，在债务转为逾期之日前，保留于最近时间已分类之债务类别；

c) 对于本通知第 5 条规定之债务余额，在首次免减利息日之前，保留于最近时间已分类之债务类别。”

第二条、取代第 01/2020/TT-NHNN 号通知之附录

以随附本通知颁行的附录取代随附第 01/2020/TT-NHNN 号通知颁行的附录。

第三条、落实

办公室首席，银行总督察、监察人，越南国家银行直属单位、信贷组织、外国银行分行首长负责落实本通知。

第四条、施行条款

1、本通知自 2021 年 9 月 07 日起生效。

2、本通知注销越南国家银行行长修改、补充第 01/2020/TT-NHNN 号通知若干条例的于 2021 年 4 月 02 日颁布的第 03/2021/TT-NHNN 号通知第 1 条第 2 款、第 3 款、第 6 款。

收件处：

- 如第 3 条；
- 政府总理 (用以报告)；
- 国家银行领导班子；
- 财政部 (用以配合)；
- 司法部 (用以检查)；
- 公报；
- 留档：办公室，法务，银行督查、检查

代行长签

副行长

(已盖章签名)

段泰山

~ 恒利翻译，仅供参考 ~

附录

(附订于 2021 年 9 月 7 日第 14/2021/TT-NHNN 号通知之附录, 修改、补充 2020 年 3 月 13 日第 01/2020/TT-NHNN 号通知之若干条)

信贷组织、外国银行支行

对于受 Covid-19 疫情影响客户之纾困结果报告

报告期 ……年 …月

单位：十亿越盾，客户

次序	指标	受疫情影响之预期余额	重组还债期限并保留债务组						免、减利息及保留债务组						在报告期末获重组还债期限、免减利息之客户本金总额	新贷款客户			不转成呆款组因获保留债务组			具体准备金	依本通知第 6 款规定列入追踪其他应收利息						
			累计			报告末期			累计			报告末期				在报告期末获重组还债期限、免减利息之客户数量	新贷款余额	在报告期末客户数量	不转成呆款因已获重组还债期限并保留债务组、免减利息客户之末期本金债务总额	其中： 不转成呆款因已获重组还债期限、免减利息客户之本金债务余额	在报告期末不转成呆款组之客户数量	在报告期末需补充之具体准备金总额		其中： 已补充之具体准备金					
			获重组还债期限之累计总价值		获重组还债期限之累计客户数量 (本金及/或利息)	获重组还债期限之余额		在报告期末获重组还债期限之客户数量 (本金及/或利息)	已获免、减利息之累计债务总价值	已获免、减利息之累计利息	已获免、减利息之客户数量	在报告期末获免、减利息之债务余额	在报告期末获免、减利息之客户数量	累计新贷款营业额											在报告期末客户数量	在报告期末不转成呆款因已获重组还债期限并保留债务组、免减利息客户之末期本金债务总额	其中： 不转成呆款因已获重组还债期限、免减利息客户之本金债务余额	在报告期末需补充之具体准备金总额	其中： 已补充之具体准备金
			债务本金	利息		债务本金	利息																						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)						
I	按客户分类																												
1	个人																												
2	企业																												
3	合作社，合作社联盟																												
4	其它																												
II	按 21 个经济行业分类																												
1	农业，林业和渔业																												
2	开矿																												
3	制造业和加工业																												
4	生产和分配电力、燃气、热水、蒸汽和空调																												



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
 热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

制立报告之引导：

- 信贷组织、外国银行分行通过越南国家银行之集中统计报告系统报告，包括全表数据及每信贷组织分支、每外国银行分行之数据。

- 信贷组织、外国银行分行定期每月报告。对于第（22）、（23）、（24）栏之数据，信贷组织、外国银行分行定期报告于3月、6月、9月、12月。

- 第（3）栏：受 Covid-19 疫情影响之预期余额按照信贷组织、外国银行分行之评估。

- 第（4）栏：在本通知第4条2款规定期间内从2020/3/13日起之债务义务累计总价值已获重组还债期限并保留债务组（注意只报告在本通知第4条2款规定期间。

之债务本金，不是全部债务之余额）。

- 第（5）栏：获依本通知执行从2020/3/13日起获重组还债期限之累计利息。

- 第（6）栏：从2020/3/13日起已获重组还债期限（本金及/或利息）并依本通知执行保留债务组之累计客户数量。

- 第（7）栏：在本通知第4条2款规定期间内债务义务已获重组还债期限之本金余额并保留债务组（注意只报告在本通知第4条2款规定期间之债务本金，不是全部债务之余额；若已结束重组还债期限但客户未付完获重组债务，信贷组织报告在报告末期之重组债务实际余额）。

- 第（8）栏：在报告末期获重组还债期限之利息（注意若已结束重组期限但客户未付完获重组利息，信贷组织报告在报告末期之重组实际余额）。

- 第（9）栏：已获重组还债期限及保留债务组（本金及/或利息）在报告末期之客户数量相应于第（7、8）栏之数据。

- 第（10）栏：从2020/3/13日起已获依本通知执行适用免、减利息之累计债务总价值。



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- 第 (11) 栏：从 2020/3/13 日起已获依本通知免、减利息之累计利息。
- 第 (12) 栏：从 2020/3/13 日起已获依本通知免、减利息之累计客户数量。
- 第 (13) 栏：在报告末期获免、减利息及保留债务组之债务余额（注意若已结束免、减利息期限但客户未付完获免、减利息之债务，信贷组织报告在报告末期之获免、减利息后之实际债务余额）。
- 第 (14) 栏：在报告末期获免、减利息及保留债务组之客户数量相应于第 (13) 栏之数据。
- 第 (15) 栏：依本通知获重组还债期限、免减利息客户之本金债务总余额。
- 第 (16) 栏：对于受 Covid-19 疫情影响客户从 2020/3/13 日起已获依本通知执行之累计贷款营业额（包括获重组还债期限、免减利息后之新贷款客户及属于所有受 Covid-19 疫情影响行业、领域之其他客户），其中包含统计各已登记各优惠信贷计划、产品包之新贷款，报告国家银行。
- 第 (17) 栏：对于受 Covid-19 疫情影响客户在报告同期之新贷款余额（相应于第 16 栏之数据）。
- 第 (18) 栏：受 Covid-19 疫情影响在报告同期之客户数量（相应于第 16、17 栏之数据）。
- 第 (19) 栏：依本通知规定正获分类于 1、2 组有已获重组还债期限、免减利息客户之本金债务总余额但将要转成 3、4、5 组若依国家银行有关债务分类、提拨及使用准备金以在报告末期处理信贷组织、外国银行分行活动风险之规定进行分类。
- 第 (20) 栏：依本通知规定获重组还债期限、免减利息客户之本金债务余额获统计于第 9 栏及第 14 栏正获分类于 1、2 组但将要转成 3、4、5 组若依国家银行有关债务分类、提拨及使用准备金以在报告末期处理信贷组织、外国银行分行活动风险之规定进行分类。
- 第 (21) 栏：在报告末期有获统计于第 19 栏贷款余额之客户总数量。
- 第 (22) 栏：依本通知第 6a 条 3 款规定在报告末期有获重组还债期限、免减利息及保留债务组之客户必须补充提拨之具体准备金总金额。



- 第 (23) 栏：依本通知第 6a 条 4 款规定在报告末期有获重组还债期限、免减利息及保留债务组之客户已补充提拨之具体准备金总金额。

- 第 (24) 栏：跟进获统计于第 9 栏各客户之应收利息及第 14 栏对于依本通知第 6 条 5 款规定获重组还债期限、免减利息之债务。

- 第二行依政府总理于 2018/7/06 第 27/2018/QĐ-TTg 号决定规定颁行越南经济行业之 21 经济行业数据报告。

~ 恒利翻译，谨供参考 ~



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-NHNN NGÀY 13 THÁNG 3 NĂM 2020 CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, MIỄN, GIẢM LÃI, PHÍ, GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ NHẪM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2020/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.
2. Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022.
3. Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản này;
- b) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23/01/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 29/3/2020;
- c) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021;
- d) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 07/9/2021.

4. Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

5. Khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.

7. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) phù hợp với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid -19 đối với khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

8. Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Miễn, giảm lãi, phí

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19.

2. Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này thực hiện đến ngày 30/6/2022.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN) như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 01/8/2021 như sau:

- a) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu đối với số dư nợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
- b) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn đối với số dư nợ quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
- c) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện miễn, giảm lãi lần đầu đối với số dư nợ quy định tại Điều 5 Thông tư này.”

Điều 2. Thay thế Phụ lục của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN

Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 9 năm 2021.
2. Thông tư này bãi bỏ khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020)

TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THÁO GỖ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Kỳ báo cáo tháng ... năm ...

Đơn vị: tỷ đồng, khách hàng

STT	Chi tiêu	Số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch	Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ				Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ				Tổng dư nợ của khách hàng có số dư được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi tại cuối kỳ báo cáo	Cho vay mới	Nợ không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được giữ nguyên nhóm nợ	Dự phòng cụ thể	Số lãi phải thu hạch toán ngoại bảng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này				
			Lũy kế		Tại cuối kỳ báo cáo		Lũy kế		Tại cuối kỳ báo cáo										
			Tổng giá trị nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lũy kế	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lũy kế (gốc và/hoặc lãi)	Dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại cuối kỳ báo cáo	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại cuối kỳ báo cáo (gốc và/hoặc lãi)	Tổng giá trị nợ đã được miễn, giảm lãi lũy kế	Số tiền lãi đã được miễn, giảm lũy kế	Số khách hàng được miễn, giảm lãi lũy kế	Dư nợ được miễn, giảm lãi tại cuối kỳ báo cáo									
			Gốc	Lãi	Gốc	Lãi						Doanh số lũy kế	Dư nợ tại cuối kỳ báo cáo	Số khách hàng còn dư nợ tại cuối kỳ báo cáo	Trong đó:	Số khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ tại cuối kỳ báo cáo	Số tiền dự phòng cụ thể trích bổ sung tại cuối kỳ báo cáo	Trong đó:	
																Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi không bị chuyển sang		Số tiền dự phòng cụ thể đã trích bổ sung	

18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí																			
19	Hoạt động dịch vụ khác																			
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình																			
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế																			
III	Tổng cộng (= I + II)																			

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo thông qua hệ thống báo cáo thống kê tập trung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm số liệu toàn hàng và số liệu từng chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo định kỳ hàng tháng. Riêng đối với số liệu tại cột (22), cột (23), cột (24), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo định kỳ tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12.
- Cột (3): Dự nợ dự kiến bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19 theo đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Cột (4): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 tổng giá trị nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (lưu ý chỉ báo cáo nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, không phải toàn bộ dự nợ của khoản nợ).
- Cột (5): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số tiền lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện theo Thông tư này.
- Cột (6): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số khách hàng đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gốc và/hoặc lãi) và giữ nguyên nhóm nợ được thực hiện theo Thông tư này.
- Cột (7): Số dự nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (lưu ý chỉ báo cáo nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều

4 Thông tư này, không phải toàn bộ dư nợ của khoản nợ; Trường hợp đã kết thúc thời hạn cơ cấu nhưng khách hàng chưa trả hết nợ được cơ cấu, TCTD báo cáo số dư nợ cơ cấu còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (8): Số tiền lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại cuối kỳ báo cáo. (Lưu ý trường hợp đã kết thúc thời hạn cơ cấu nhưng khách hàng chưa trả hết tiền lãi được cơ cấu, TCTD báo cáo số tiền lãi được cơ cấu còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (9): Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (gốc và/hoặc lãi) tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với số liệu tại cột 7, 8).

- Cột (10): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 tổng giá trị nợ đã được áp dụng miễn, giảm lãi được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (11): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số tiền lãi mà khách hàng đã được miễn, giảm được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (12): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số khách hàng đã được miễn, giảm lãi được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (13): Dư nợ được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ tại cuối kỳ báo cáo (Lưu ý trường hợp đã kết thúc thời hạn miễn, giảm lãi nhưng khách hàng chưa trả hết dư nợ được miễn, giảm lãi, TCTD báo cáo dư nợ đã được miễn, giảm lãi còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (14): Số khách hàng được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với số liệu tại cột 13).

- Cột (15): Tổng dư nợ gốc của khách hàng có số dư được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi theo Thông tư này (tương ứng với các khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14).

- Cột (16): Lũy kế từ ngày 23/01/2020 doanh số cho vay mới đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 được thực hiện theo Thông tư này (bao gồm khách hàng vay mới sau khi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và các khách hàng khác thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19), trong đó thống kê cả phần cho vay mới theo các chương trình, gói sản phẩm tín dụng ưu đãi đã đăng ký, báo cáo NHNN.

- Cột (17): Dư nợ cho vay mới đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với cột 16).

- Cột (18): Số khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 được vay mới còn dư nợ tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với cột 16, 17).

- Cột (19): Tổng dư nợ gốc của khách hàng có số dư nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này đang được phân loại ở nhóm 1, 2 nhưng sẽ phải chuyển sang nhóm 3, 4, 5 nếu thực hiện phân loại lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (20): Số dư nợ gốc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này của khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14 đang được phân loại ở nhóm 1, 2 nhưng sẽ phải chuyển

sang nhóm 3, 4, 5 nếu thực hiện phân loại lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (21): Tổng số khách hàng có số dư nợ được thống kê tại cột 19 tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (22): Tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung của các khách hàng có số nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 6a Thông tư này tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (23): Tổng số tiền dự phòng cụ thể đã trích bổ sung của các khách hàng có số nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 6a Thông tư này tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (24): Số lãi phải thu theo dõi ngoại bảng của các khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14 đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này.

- Dòng II báo cáo số liệu phân theo 21 ngành kinh tế theo quy định tại Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.